TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoàn

Bà Lê Thị Thao

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng: Bà Phạm Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST- HNGĐ ngày 09.01.2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh B**, sinh năm 1985.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

Chỗ ở hiện nay: Số 6, phố TĐ, phường TD, thành phố VT, tỉnh PT (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1980.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD.

(Có mặt tham gia phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Chị và anh Lê Văn D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CA, huyện CG vào ngày 04/01/2008, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và cách

làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc. Bản thân anh D đi làm và có thu nhập khá nhưng không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mọi chi tiêu cho gia đình và các con là do một mình chị. Do anh thường xuyên chơi bời, cờ bạc, dẫn đến nợ nần rất nhiều. Chị B và gia đình đã phải trả nợ thay. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải anh, nhưng anh không thay đổi. Mặt khác, anh D còn xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, thậm chí của gia đình chị. Chị đã tìm mọi cách để khắc phục tình trạng trên nhưng không thể cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, vì có sự việc anh D đi uống rượu say về đe dọa đốt nhà và giết mẹ con chị, nên chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị đưa con lên VT, anh D cũng đồng ý cho chị và con lên VT ở. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê VA, sinh ngày 11.8.2009 và Lê Thị HM, sinh ngày 16.9.2013. Từ tháng 7/2017 đến nay các con vẫn đang ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ ở số 6, phố TĐ, phường TD, thành phố VT, tỉnh PT. Chị B đề nghị được nuôi cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian trước chị đang là trưởng phòng Hồ sơ ngoại Công ty Cổ phần hợp tác J, mức lương của chị là 1.200USD tương đương khoảng 27.500.000 đồng. Từ ngày 01/01/2018, chị chuyển sang làm Phó giám đốc kinh doanh tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại HL tại Hà Nội, mức lương 27.000.000đ. Hàng ngày chị đi làm từ sáng đến tối về VT. Việc chăm sóc các con còn có bố mẹ đẻ chị phụ giúp. Lý do chị không đồng ý để anh D nuôi con là vì anh D thường xuyên có những người cho vay nặng lãi đến nhà đòi nợ, anh D đã từng bị xã hội đen bắt và đánh. Hiện nay anh D còn rất nhiều khoản nợ do anh D vay để chơi bời cá độ bóng đá mà không có khả năng trả nợ. Cho nên việc giao con cho anh D nuôi chị thấy không đảm bảo sự an toàn cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn D trình bày: Anh nhất trí phần trình bày của chị B về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh chị. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dậy con cái và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê VA, sinh ngày 11.8.2009 và Lê Thị HM, sinh ngày 16.9.2013. Hiện tại hai con đang ở với chị B. Khi ly hôn, anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con Lê Thị HM, còn chị B nuôi con Lê VA. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trước đây, anh muốn đưa các con về VT để có môi trường sống tốt, nhưng sau đó giữa anh và gia đình nhà vợ xảy ra va chạm và hiện nay vợ chồng ly hôn, nên để thể hiện trách nhiệm đối với các con, anh đề nghị được

nuôi con chung là Lê Thị HM. Về điều kiện nuôi con: Hiện tại anh D làm cán bộ quản lý tại xí nghiệp NPK HD, thuộc Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất LT. Mức thu nhập B quân khoảng 15.000.000đ/1 tháng, anh đã cung cấp cho Tòa án phiếu xác nhận thu nhập. Công việc của anh thì hôm làm ca sáng, hôm làm ca chiều: ca sáng từ 7 giờ đến 15 giờ, ca chiều từ 15 giờ đến 23 giờ, không phải làm ca đêm. Anh đảm bảo đủ điều kiện và khả năng để nuôi con. Anh xác định có việc anh chơi bời, nợ nần nhưng hiện tại anh đã giải quyết xong các khoản nợ đó. Nếu được nuôi con thì anh sẽ để con ở cùng với bố mẹ anh, nếu không ổn định thì anh đưa con ra khu tập thể ở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2018, anh D yêu cầu giải quyết tài sản chung vợ chồng gồm: 01 xe ôtô Mazda 3 BKS 34A 16124, xe do vợ chồng mua năm 2016 đăng ký mang tên Nguyễn Thị Th B, 01 xe máy Honda Airblade BKS 34B2 23358. Tuy nhiên, anh D không nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung, không nộp tạm ứng án phí. Tại bản tự khai ngày 07/2/2018 và tại phiên tòa anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội án phí và lệ phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Lê VA, sinh ngày 11.8.2009 và Lê Thị HM, sinh ngày 16.9.2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D mỗi người phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Hoàn trả chị B 225.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CA, huyện CG vào ngày 04/01/2008, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên đơn, bị đơn đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hòa thuận,

hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dậy con cái và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không được cải thiện.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương (BL52) thể hiện: Quá trình chung sống của chị B, anh D có nhiều mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay.

Qua sự phân tích tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy cuộc sống hôn nhân của chị B, anh D không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B, anh D đều nhất trí ly hôn, nên căn cứ theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Vợ chồng có 02 con chung là Lê VA, sinh ngày 11.8.2009 và Lê Thị HM, sinh ngày 16.9.2013. Chị B, anh D đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng của các đương sự. Xét cả chị B và anh D đều có điều kiện thu nhập khá. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tức là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung. HĐXX thấy rằng: Hiện nay, các con chung đang ở cùng chị B và đang được học tập ổn định. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con đều do chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại các con đều phát triển tốt. Anh D có điều kiện thu nhập khá, nhưng có việc anh chơi bời, dẫn đến nhiều khoản nợ, nhà của vợ chồng ở trước đây, anh cũng đã bán đi, anh đang sống cùng bố mẹ đẻ, chứng minh qua lời khai của đương sự và người làm chứng (BL37, BL51). Mặt khác, cháu Lê VA có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Lê Thị HM, còn nhỏ, lại là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ, nên xét giao 02 con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc chị B tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, thấy rằng hiện nay chị B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con chung, nên sự tự nguyện của chị phù hợp pháp luật. Do đó, không buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị B, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự trong vụ án thuận tình ly hôn, nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh B và anh Lê Văn D.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh B tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lê VA, sinh ngày 11.8.2009 và Lê Thị HM, sinh ngày 16.9.2013, đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị B tự nguyện không yêu cầu anh Dcấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh B phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, theo biên lai thu số AB/2016/0001899 ngày 09/01/2018. Hoàn trả chị B 225.000đ.

Anh Lê Văn D phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cao An;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Yến